

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020.
V/v Tranh chấp dân sự về
Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bạch Yến.
2. Ông Lê Quang Thơm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 8 năm 2020 và ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông T - sinh năm: 1965.

Địa chỉ (*ĐKTT*): số 201/5C, đường X, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: phòng số G3, Nhà trọ Hoàng Anh, ấp L, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông V - sinh năm: 1962.

Địa chỉ: số 82A, Tôn Đức Thắng, khóm B, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ (*liên lạc*): số 124/24, khóm H, Phường M, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T có mặt tại phiên tòa, ông V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là ông T trình bày:

Vào tháng 6/2013, ông T có cho ông V và bà N (vợ ông V) vay 02 lần: Lần 1 số tiền là 450.000.000 đồng và lần 2 số tiền là 45.000.000 đồng (*không nhớ ngày*). Tổng cộng là 495.000.000 đồng, khi ông T đưa tiền vay cho ông V và bà N không có viết biên nhận.

Đến ngày 20/6/2013, ông V và bà N viết giấy nhận nợ số tiền là 495.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 3.500.000 đồng/tháng, mục đích vay để ông V kinh doanh khách sạn. Sau khi vay, ông V có đóng lãi cho ông T đầy đủ. Tuy nhiên, sau mỗi năm thì ông V và ông T thống nhất viết lại giấy nhận nợ mới rồi xé bỏ giấy nhận nợ cũ (*từ ngày 20/6/2013 đến ngày 20/6/2017 ông V đã 05 lần viết giấy nhận nợ, trong đó giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2013 do bà N và ông V cùng ký tên; riêng các giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2014, 20/6/2015, 20/6/2016 và ngày 20/6/2017 chỉ có ông V ký tên trong giấy nhận nợ*).

Qua các lần xé “*Giấy nhận nợ*” cũ; đến ngày 20/6/2018, ông V lập “*Giấy nhận nợ*” mới ghi ngày 20/6/2018, ông V xác nhận nợ ông T số tiền vốn vay là 495.000.000 đồng; do thời điểm này ông V và bà N đã ly hôn nên ông V và ông T cùng thống nhất số tiền vốn vay tổng cộng là 495.000.000 đồng là của ông V nợ ông T, bà N không còn liên quan đến khoản vay này. Sau khi lập giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2018, ông V có đóng lãi cho ông T đầy đủ đến ngày 20/12/2018. Từ ngày 20/01/2019 đến nay, do ông V kinh doanh thua lỗ nên không có khả năng trả vốn, lãi cho ông T.

Nay, ông T yêu cầu ông V trả số tiền vốn vay theo giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2018 với số tiền vốn gốc là 495.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2019 đến ngày 07/9/2020, tính tròn là 19 tháng (*ông T đồng ý bỏ các ngày lẻ*) với lãi suất là 3.500.000 đồng/tháng (*tương đương 0,707%/tháng*); thành tiền là 66.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 561.500.000 (*Năm trăm sáu mươi một triệu, năm trăm ngàn*) đồng.

Đối với bà N, ông T xác định không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

Ngoài ra, ông T không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ cùng ông V. Ông T không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là ông V không đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng có văn bản ý kiến trình bày:

Ông V xác định có vay vốn của ông T với tổng số tiền là 495.000.000 đồng với lãi suất là 01%/tháng (*thời gian vay và đóng lãi đến thời điểm nào không nhớ rõ*). Sau khi vay tiền của ông T, do ông V kinh doanh gặp khó khăn nên không thể thanh toán tiền cho ông T. Ngoài ra, ông V không ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Huỳnh Hữu V không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là ông Huỳnh Hữu V.

- Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T. Buộc ông V trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền vốn vay là 495.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 66.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 561.500.000 (*Năm trăm sáu mươi một triệu, năm trăm ngàn*) đồng.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả vốn vay và lãi nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn là ông T yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Hữu V trả số tiền vốn vay là 495.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2019 đến ngày 07/9/2020, tính tròn là 19 tháng (*ông T đồng ý bỏ các ngày lẻ*) với lãi suất là 3.500.000 đồng/tháng; thành tiền là 66.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 561.500.000 (*Năm trăm sáu mươi một triệu, năm trăm ngàn*) đồng.

- Về phía ông V xác định có vay vốn của ông T với tổng số tiền là 495.000.000 đồng với lãi suất là 01%/tháng (*thời gian vay và đóng lãi đến thời*

điểm nào không nhớ rõ). Sau khi vay tiền của ông T, do ông V kinh doanh gặp khó khăn nên không thể thanh toán tiền cho ông T.

[2.1] Xét yêu cầu trả số tiền vốn vay 495.000.000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thể hiện ông T có cho ông V vay số tiền vốn gốc là 495.000.000 đồng; ông V có viết và ký tên vào Giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2018.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông V có vay của ông T số tiền vốn gốc là 495.000.000 đồng.

- Như vậy, căn cứ vào Giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2018, có đủ cơ sở xác định giữa ông T và ông V có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; buộc ông V trả cho ông T số tiền vốn vay là 495.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của ông T yêu cầu ông V trả tiền lãi tính từ ngày 20/01/2019 đến ngày 07/9/2020 với mức lãi suất là 3.500.000 đồng/tháng trên số tiền vốn gốc là 495.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông T xác định là từ khi vay (ngày 20/6/2013) đến ngày 20/12/2018, ông V đã đóng lãi đầy đủ, không thiếu tháng nào. Ông T thừa nhận là đã nhận đủ tiền lãi mỗi tháng là 3.500.000 đồng (*tương đương mức lãi suất 0,707%/tháng*).

- Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất cho vay như sau:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

- Từ quy định đã viện dẫn, việc ông T yêu cầu ông V trả lãi suất 3.500.000 đồng/tháng, tương đương mức lãi suất 0,707%/tháng với số tiền là 66.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu ông Huỳnh Hữu V trả số tiền vốn vay 495.000.000 đồng và số tiền lãi là 66.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 561.500.000 (*Năm trăm sáu mươi một triệu, năm trăm ngàn*) đồng.

[2.3] Đối với bà N: Do ông T xác định là không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông V trả cho ông T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là: 561.500.000 (*Năm trăm sáu mươi một triệu, năm trăm ngàn*) đồng.

- Buộc ông V trả cho ông T số tiền vốn vay là 495.000.000 đồng và số tiền lãi là 66.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 561.500.000 (*Năm trăm sáu mươi một triệu, năm trăm ngàn*) đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông V nộp 26.460.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 13.215.000 (*Mười ba triệu, hai trăm mười lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu số: 0001100, ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Hữu V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh